

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Xét Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 20/BC-KTNS ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu tàu cá (sau đây gọi tắt là chủ tàu cá) được đăng ký tại thành phố Đà Nẵng; trong đó, bao gồm: Tàu cá đăng ký mới trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tàu cá đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá tại thành phố Đà Nẵng (cũ) và tỉnh Quảng Nam trước đây.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, triển khai thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Các nội dung hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết này là hỗ trợ sau đầu tư; chủ tàu cá tự huy động nguồn vốn để thực hiện, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ cung cấp. Ngân sách nhà nước hỗ trợ sau khi chủ tàu cá nộp đầy đủ hồ sơ và được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu, thẩm định, đảm bảo các điều kiện được hỗ trợ theo quy định. Trường hợp phát hiện hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác thì sẽ bị thu hồi toàn bộ số tiền hỗ trợ và xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Mỗi tàu cá có thể được hỗ trợ một hoặc nhiều nội dung theo Nghị quyết này. Trong đó, mỗi tàu cá chỉ được hỗ trợ một lần đối với các nội dung: Hỗ trợ thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá; hỗ trợ hủy, phá dỡ tàu cá; hỗ trợ kinh phí mua máy thủy (máy chính); hỗ trợ chuyển đổi nghề.

3. Việc hỗ trợ phải công bằng, công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm thân tàu

1. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 40% kinh phí hàng năm mua bảo hiểm thân tàu cho tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên ngoài mức hỗ trợ 50% theo chính sách hỗ trợ của Trung ương.

2. Điều kiện hỗ trợ

Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên có đầy đủ các giấy tờ còn hạn sử dụng (Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm).

Điều 5. Chính sách hỗ trợ thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá

1. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí mua thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá: Hỗ trợ 50% giá trị thiết bị nhưng không quá 11.000.000 đồng/tàu cá.

2. Thời gian được hưởng chính sách hỗ trợ: Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

3. Điều kiện hỗ trợ: Tàu cá và thiết bị đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên: Chưa lắp đặt thiết bị giám sát hành trình hoặc tàu cá đang sử dụng thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá (thiết bị cũ) mà chưa đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

b) Thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá đề nghị hỗ trợ phải là thiết bị mới 100% và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP (thiết bị được cơ quan quản lý nhà

nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo đủ điều kiện lắp đặt trên tàu cá).

c) Tàu cá có đầy đủ các giấy tờ còn hạn sử dụng (Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm).

d) Chủ tàu cá phải cam kết sử dụng, bảo quản thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá tối thiểu là 03 năm (36 tháng) kể từ ngày nhận được chính sách hỗ trợ của thành phố.

đ) Trước khi thực hiện lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá, chủ tàu cá phải thông báo cho Chi cục Biển đảo và Thủy sản biết để phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình; Nhật ký khai thác thủy sản và Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản điện tử

1. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá: Hỗ trợ 50% cước phí thuê bao hàng tháng nhưng không quá 150.000 đồng/tàu cá/tháng.

b) Hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ cho hệ thống Nhật ký khai thác thủy sản và Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản điện tử: Hỗ trợ 50% cước phí thuê bao hàng tháng nhưng không quá 100.000 đồng/tàu cá/tháng.

2. Điều kiện hỗ trợ

Tàu cá đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá: Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên đang lắp đặt, sử dụng thiết bị giám sát hành trình đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 26 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP (thiết bị được cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo đủ điều kiện lắp đặt trên tàu cá).

b) Hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ cho hệ thống Nhật ký khai thác thủy sản và Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản điện tử: Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên đang sử dụng hệ thống Nhật ký khai thác thủy sản và Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản điện tử đã được cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo đủ điều kiện tích hợp với hệ thống Nhật ký khai thác thủy sản và Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản điện tử dùng chung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Tàu cá có đầy đủ các giấy tờ còn hạn sử dụng (Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm).

Điều 7. Chính sách hỗ trợ xử lý dứt điểm tàu cá không đủ điều kiện hoạt động

1. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ hủy, phá dỡ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét: Hỗ trợ 20.000.000 đồng/tàu cá.

b) Hỗ trợ hủy, phá dỡ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét: Hỗ trợ 50.000.000 đồng/tàu cá.

c) Hỗ trợ hủy, phá dỡ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên: Hỗ trợ 100.000.000 đồng/tàu cá.

d) Hỗ trợ kinh phí mua máy thủy (máy chính) để thay thế máy chính (máy thủy hoặc máy bộ) không đủ điều kiện đăng kiểm đang lắp đặt, sử dụng trên tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên: Hỗ trợ 50% giá trị máy nhưng không quá 50.000.000 đồng/tàu cá.

2. Thời gian được hưởng chính sách hỗ trợ: Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

3. Điều kiện hỗ trợ

Tàu cá đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hủy, phá dỡ tàu cá: Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá. Chỉ áp dụng đối với các trường hợp tàu cá không đủ điều kiện đăng ký tàu cá hoặc đăng kiểm tàu cá theo quy định. Không áp dụng hỗ trợ đối với tàu cá không còn khả năng hoạt động (tàu chìm, đắm chưa trục vớt hoặc tàu mục, nát hoặc không có máy thủy trên tàu). Trước khi thực hiện hủy, phá dỡ tàu cá, chủ tàu cá phải thông báo cho Chi cục Biển đảo và Thủy sản biết để phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện. Được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá sau khi hoàn thành hủy, phá dỡ tàu cá.

b) Mua máy thủy (máy chính): Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên đang lắp đặt trên tàu cá máy chính (máy thủy hoặc máy bộ) không đủ điều kiện đăng kiểm theo quy định. Máy thủy được đề nghị hỗ trợ có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định. Trước khi thực hiện lắp đặt máy thủy trên tàu cá, chủ tàu cá phải thông báo cho Chi cục Biển đảo và Thủy sản biết để phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện. Được cơ sở đăng kiểm tàu cá cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá sau khi hoàn thành thay thế máy chính lắp đặt trên tàu cá.

Điều 8. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề

1. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ cho chủ tàu cá chi phí chuyển đổi từ nghề lưới kéo sang các nghề khai thác thủy sản khác không thuộc danh mục nghề cấm: Hỗ trợ 50% chi phí chuyển đổi nghề gồm mua mới ngư cụ, trang thiết bị phục vụ khai thác, cải hoán tàu cá nhưng không quá 50.000.000 đồng/tàu cá.

2. Điều kiện hỗ trợ

Tàu cá đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét có đầy đủ các giấy tờ còn hạn sử dụng (Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn).

b) Nghề khai thác đề nghị chuyển đổi không thuộc danh mục nghề cấm.

c) Chủ tàu cá phải cam kết sử dụng ngư cụ, trang thiết bị phục vụ khai thác trên tàu tối thiểu là 03 năm (36 tháng) kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ theo quy định. Trước khi thực hiện chuyển đổi nghề trên tàu cá, chủ tàu cá phải thông báo cho Chi cục Biển đảo và Thủy sản biết để phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác thủy sản sau khi hoàn thành chuyển đổi nghề.

Điều 9. Thành phần, số lượng hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách phát triển thủy sản

1. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu đơn ban hành kèm theo Nghị quyết này).

b) Đối với trường hợp đề nghị hỗ trợ bảo hiểm thân tàu:

Ngoài đơn đề nghị hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ gồm: Bản chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thuyền.

c) Đối với trường hợp đề nghị hỗ trợ thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá:

Ngoài đơn đề nghị hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ gồm: Bản chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; bản chính hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thanh toán tiền mua thiết bị giám sát hành trình, biên bản lắp đặt (thành phần chủ tàu cá, đơn vị lắp đặt), biên bản nghiệm thu sản phẩm (thành phần chủ tàu cá, đơn vị lắp đặt, Chi cục Biển đảo và Thủy sản).

d) Đối với trường hợp đề nghị hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình; Nhật ký khai thác thủy sản và Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản điện tử:

Ngoài đơn đề nghị hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ gồm: Bản chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; bản chính hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thanh toán phí thuê bao.

đ) Đối với trường hợp đề nghị hỗ trợ hủy, phá dỡ tàu cá:

Ngoài đơn đề nghị hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ gồm: Bản chụp các giấy tờ chứng minh nguồn gốc tàu cá gồm giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ, giấy tờ mua bán tàu cá; bản chính Biên bản giám sát hủy, phá dỡ tàu cá (thành phần giám sát gồm chủ tàu cá, Chi

cục Biển đảo và Thủy sản, Ủy ban nhân dân phường/xã nơi chủ tàu cá thường trú hoặc đặt trụ sở chính).

e) Đối với trường hợp đề nghị hỗ trợ mua máy thủy (máy chính):

Ngoài đơn đề nghị hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ gồm: Bản chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; bản chính hóa đơn, chứng từ thanh toán tiền mua máy thủy, biên bản lắp đặt (thành phần chủ tàu cá, đơn vị lắp đặt), biên bản nghiệm thu sản phẩm (thành phần chủ tàu cá, đơn vị lắp đặt, Chi cục Biển đảo và Thủy sản, Ủy ban nhân dân phường, xã nơi chủ tàu cá thường trú).

g) Đối với trường hợp đề nghị hỗ trợ chuyển đổi nghề:

Ngoài đơn đề nghị hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ gồm: Bản chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; bản chính hóa đơn, chứng từ thanh toán tiền mua mới ngư cụ, trang thiết bị phục vụ khai thác, cải hoán tàu cá, biên bản nghiệm thu sản phẩm (thành phần chủ tàu cá, Chi cục Biển đảo và Thủy sản, Ủy ban nhân dân phường, xã nơi chủ tàu cá thường trú).

2. Số lượng hồ sơ đề nghị hỗ trợ: 01 bộ.

Điều 10. Trình tự và thủ tục hành chính giải quyết hồ sơ hỗ trợ chính sách phát triển thủy sản

1. Nộp hồ sơ

Chủ tàu cá nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua một trong các hình thức sau: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng; gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích; nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Xử lý hồ sơ

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ của chủ tàu cá: Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Biển đảo và Thủy sản) tổ chức kiểm tra, thẩm định, rà soát thành phần hồ sơ, điều kiện được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này; tổ chức đi kiểm tra thực tế (nếu cần thiết). Trường hợp phát hiện hồ sơ không đảm bảo thành phần hồ sơ, điều kiện được hỗ trợ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo cho chủ tàu cá được biết.

b) Sau khi hoàn thành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, trong thời hạn 03 ngày làm việc: Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp các hồ sơ hợp lệ, hoàn thành các thủ tục trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho chủ tàu cá.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị phê duyệt kinh phí hỗ trợ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho chủ tàu cá.

3. Trả kết quả

Trả kết quả xử lý hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng; qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4. Thời hạn giải quyết hồ sơ hỗ trợ chính sách phát triển thủy sản: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân là chủ tàu cá được đăng ký tại thành phố Đà Nẵng.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng.

7. Cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ chính sách phát triển thủy sản: UBND thành phố Đà Nẵng.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hỗ trợ kinh phí của UBND thành phố.

9. Phí, lệ phí: Không.

Điều 11. Nghĩa vụ của chủ tàu cá được hỗ trợ

1. Khai báo trung thực, chính xác giá trị, kinh phí đầu tư các nội dung đề nghị hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ cung cấp.

2. Chủ tàu cá phải cam kết quản lý, sử dụng máy, thiết bị, ngư cụ (thiết bị giám sát hành trình; máy thủy (máy chính); ngư cụ, trang thiết bị phục vụ khai thác) đã được hỗ trợ theo quy định và không được bán, cho thuê, cho mượn trong thời hạn 03 năm (36 tháng) kể từ ngày nhận hỗ trợ.

3. Thực hiện các nội dung cam kết về sử dụng máy, thiết bị, ngư cụ đã được hỗ trợ:

a) Trường hợp bán tàu cá được hỗ trợ máy, thiết bị, ngư cụ trước thời hạn cam kết 03 năm (36 tháng) kể từ ngày nhận hỗ trợ:

Trường hợp bán tàu cá đăng ký tại thành phố Đà Nẵng: Chủ tàu phải bàn giao đầy đủ máy, thiết bị, ngư cụ sử dụng trên tàu cá đã được thành phố hỗ trợ cho chủ tàu mới và yêu cầu chủ tàu mới tiếp tục thực hiện nghĩa vụ hoạt động đủ thời gian 03 năm (36 tháng) kể từ ngày nhận hỗ trợ, như đã cam kết của chủ tàu cũ.

Trường hợp bán tàu cá ra ngoài thành phố Đà Nẵng thì phải hoàn trả 100% kinh phí đã được thành phố hỗ trợ.

b) Trường hợp bán, cho thuê, cho mượn máy, thiết bị, ngư cụ đã được hỗ trợ trước thời hạn 03 năm (36 tháng) kể từ ngày nhận hỗ trợ, chủ tàu cá sẽ phải hoàn trả 100% kinh phí được thành phố hỗ trợ.

Điều 12. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách thành phố bố trí trong dự toán hằng năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 02 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 255/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ phát triển khai thác hải sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2019 - 2025.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Thời gian thực hiện các chính sách trong Nghị quyết này đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030 (trừ các chính sách hỗ trợ tại Điều 5 và Điều 7 Nghị quyết này). Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định việc áp dụng thực hiện các chính sách trong giai đoạn tiếp theo.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Khóa X, Kỳ họp thứ 06 thông qua ngày 11 tháng 02 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP: Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các Bộ: NN&MT; TC;
- Vụ Pháp chế Bộ: NN&MT; TC;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ các xã, phường, đặc khu;
- Báo và PT-TH ĐN, Chuyên đề CATPĐN, TT THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Dũng

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: Chi cục Biển đảo và Thủy sản thành phố Đà Nẵng

I. THÔNG TIN TÀU CÁ

Chủ tàu cá:; Số điện thoại:

Địa chỉ thường trú:

Số căn cước:; Ngày cấp:; Nơi cấp:

Tàu cá đề nghị hỗ trợ:; Chiều dài lớn nhất của tàu cá:

Nghề khai thác:

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Kinh phí mua bảo hiểm thân tàu

- Hiệu lực bảo hiểm:

Từ giờ ... ngày tháng năm 20... đến giờ ngày Tháng năm 20...

- Doanh nghiệp bảo hiểm:

- Tổng số tiền mua bảo hiểm: đồng.

- Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ (hỗ trợ 40%): đồng.

2. Thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá

- Đơn vị cung cấp:;

- Tên thiết bị:;

- Tổng số tiền mua thiết bị: đồng.

- Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ (hỗ trợ 50% giá trị thiết bị nhưng không quá 11.000.000 đồng/tàu cá): đồng.

3. Cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình

- Đơn vị cung cấp:;

- Tên thiết bị:

- Tổng số tiền cược phí thuê bao: đồng.
- Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ (hỗ trợ 50% cược phí thuê bao hàng tháng nhưng không quá 150.000 đồng/tàu cá/tháng): đồng.

4. Cược phí thuê bao dịch vụ cho Nhật ký khai thác thủy sản và Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản điện tử

- Đơn vị cung cấp:;
- Tên giải pháp:;
- Tổng số tiền cược phí thuê bao: đồng.
- Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ (hỗ trợ 50% cược phí thuê bao hàng tháng nhưng không quá 100.000 đồng/tàu cá/tháng):đồng.

5. Hủy, phá dỡ tàu cá không đủ điều kiện hoạt động

- Mức đề nghị hỗ trợ:
 - ☐ Hỗ trợ hủy, phá dỡ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét: Hỗ trợ 20.000.000 đồng/tàu cá.
 - ☐ Hỗ trợ hủy, phá dỡ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét: Hỗ trợ 50.000.000 đồng/tàu cá.
 - ☐ Hỗ trợ hủy, phá dỡ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên: Hỗ trợ 100.000.000 đồng/tàu cá.
- Thời điểm hoàn thành:
- Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ:đồng.

6. Mua máy thủy

- Ký hiệu Máy thủy (máy chính) được lắp đặt trên tàu cá:.....
- Hãng máy:.....; Công suất (CV):.....
- Thời điểm hoàn thành:
- Tổng số tiền mua máy thủy: đồng.
- Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ (hỗ trợ 50% giá trị máy nhưng không quá 50.000.000 đồng/tàu cá): đồng.

7. Chuyển đổi nghề

- Nghề khai thác đã được cấp giấy phép:
- Thời điểm hoàn thành:
- Tổng số tiền mua mới ngư cụ, trang thiết bị phục vụ khai thác, cải hoán tàu cá: đồng.
- Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ (hỗ trợ 50% nhưng không quá 50.000.000 đồng/tàu cá): đồng.

Tổng số tiền chủ tàu cá đề nghị hỗ trợ (theo các mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7):
 đồng,
 (bằng chữ:).

Tôi cam kết không bán, cho thuê, cho mượn máy, thiết bị, ngư cụ (thiết bị giám sát hành trình; máy thủy (máy chính); ngư cụ, trang thiết bị phục vụ khai thác) trong thời hạn 03 năm (36 tháng) kể từ ngày nhận hỗ trợ và thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ về quản lý, sử dụng các máy, thiết bị, ngư cụ theo đúng quy định, nếu vi phạm sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Đà Nẵng, ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên)